TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-10-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 14-10-2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 08-7-2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-9-2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05-10-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cù Thị Th; nơi cư trú: Thôn 2, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Bùi Duy H; nơi cư trú: Thôn Thôn 2, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-7-2022, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Cù Thị Th trình bày:

Chị và anh Bùi Duy H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 06-10-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã xúc phạm nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nH không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân đến nay được 02 năm, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Duy H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Bùi Thu Th1, sinh ngày 06-5-2009; Bùi Đức A, sinh ngày 11-5-2012 và Bùi Khánh A1, sinh ngày 15-3-2020. Khi ly hôn, tại đơn khởi kiện chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Nay chị thay đổi quan điểm, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th1 và cháu Khánh A1 còn giao cháu Đức A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thoả thuận với anh H, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xin tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, tại phiên hoà giải, bị đơn là anh Bùi Duy H, trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như nội dung chị Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung là Bùi Thu Th1, sinh ngày 06-5-2009; Bùi Đức A, sinh ngày 11-5-2012 và Bùi Khánh A1, sinh ngày 15-3-2020. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đức A còn giao cháu Th1 và cháu Khánh A1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự thoả thuận với chị Th, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn và nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Cù Thị Th được

ly hôn với anh Bùi Duy H; giao con chung là Bùi Thu Th1, sinh ngày 06-5-2009 và Bùi Khánh A1, sinh ngày 15-3-2020 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Đức A, sinh ngày 11-5-2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là chị Cù Thị Th có đơn xin ly hôn với anh Bùi Duy H, có nơi cư trú tại xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần 2 bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cù Thị Th và anh Bùi Duy H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 06-10-2008. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nH không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị Th, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nH không thành, từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Cù Thị Th xin ly hôn với anh Bùi Duy H.

[4] Về con chung: Chị Th và anh H có 03 con chung là Bùi Thu Th1, sinh ngày 06-5-2009; Bùi Đức A, sinh ngày 11-5-2012 và Bùi Khánh A1, sinh ngày 15-3-2020. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thu Th1 và Bùi Khánh A1 và giao con chung Bùi Đức A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cũng đồng ý với quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung của chị Th. Xét thấy, sự thoả thuận về việc nuôi dưỡng con chung của chị Th và anh H là phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Th và anh H. Mặt khác, chị Th và anh H đều có việc làm, có thu nhập đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung tốt. Do đó, xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Bùi Thu Th1 và Bùi Khánh A1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Đức A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Th và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh H không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cù Thị Th được ly hôn với anh Bùi Duy H.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thu Th1, sinh ngày 06-5-2009 và Bùi Khánh A1, sinh ngày 15-3-2020, cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Bùi Đức A, sinh ngày 11-5-2012, cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0002314 ngày 08-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã VT, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh